PHÁP LUẬT VỀ THỊ THỰC NHẬP CẢNH VIỆT NAM CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI BẤT CẬP VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN (1)

***NGUYỄN HỒNG BẮC** **

Tóm tắt: *Bài viết phân tích quy định của pháp luật Việt Nam về cấp thị thực nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài: giá trị sử dụng và hình thức của thị thực, kí hiệu và thời hạn thị thực, điều kiện cấp thị thực, miễn thị thực nhập cảnh và thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam; theo đó đánh giá một số điểm bất cập và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này.*

Từ khoá: Bất cập; hướng hoàn thiện; người nước ngoài; pháp luật; thị thực nhập cảnh

Nhận bài: 01/02/2019 Hoàn thành biên tập: 07/5/2019 Duyệt đăng: 15/5/2019

THE LAW ON VIETNAM ENTRY VISA FOR FOREIGNERS - INADEQUACIES AND DIRECTIONS FOR IMPROVEMENT

Abstract: *The paper analyses legal provisions of Vietnam on issuing Vietnam entry visas for foreigners: the use and formats of visa, symbols and duration of visa, conditions for visa issuance and visa exemption, and e-visa. On that basis, the paper evaluates some inadequacies of the law of Vietnam in this regard and suggests the directions for improvement.*

Keywords: Inadequacy; direction for improvement; foreigner; the law; entry visa

Received: Feb 1st, 2019; Editing completed: May 7th, 2019; Accepted for publication: May 15th, 2019

Trong thời gian qua, nhất là kể từ khi thực hiện chủ trương đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta đề xướng và thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước, số lượng người nước ngoài đến Việt Nam với mục đích khác nhau như làm việc, cư trú, du lịch, tham quan, tìm hiểu thị trường, hợp tác đầu tư, kinh doanh, học tập, lao động, nghiên cứu khoa học,… ngày càng tăng. Theo thống kê của Tổng cục du lịch, lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 12/2018 đạt 1.374.235 lượt, tăng 5,6% so với tháng 11/2018 và tăng 7,7% so với tháng 12/2017. Tính chung cả năm 2018 đạt 15.497.791 lượt khách, tăng 19,9% so với năm 2017.(2)

Hiện nay, việc cấp thị thực nhập cảnh cho người nước ngoài vào Việt Nam được điều chỉnh trong Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật

* **Giảng viên chính, Trường Đại học Luật Hà Nội**
E-mail: bachn@hlu.edu.vn

(1). Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp cơ sở: "Pháp luật điều chỉnh hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp", Trường Đại học Luật Hà Nội, 2018.

(2). http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/28014, truy cập 26/01/2019.

xuất, nhập cảnh).[3] Luật xuất, nhập cảnh gồm 9 chương, 55 điều quy định về nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam; quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lí nhà nước Việt Nam, của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Luật xuất, nhập cảnh dành một chương riêng với 13 Điều (từ Điều 7 đến Điều 19) quy định về thị thực nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài. Ngoài ra, thị thực nhập cảnh cho người nước ngoài còn được quy định trong một số văn bản pháp luật khác.[4] Trên cơ sở đó, việc cấp thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam có một số nội dung cơ bản sau:

1. Giá trị sử dụng và hình thức của thị thực

Theo quy định của pháp luật, người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam về nguyên tắc phải có thị thực hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền cấp. Thị thực là loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, cho phép người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.[5] Theo Luật xuất, nhập cảnh, thị thực có giá trị một lần hoặc nhiều lần và không được chuyển đổi mục đích. Thị thực được cấp riêng cho từng người, trừ trường hợp trẻ em dưới 14 tuổi được cấp chung hộ chiếu với cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ. Thị thực được cấp vào hộ chiếu hoặc cấp rời.[6] Một số trường hợp được cấp thị thực rời đó là: hộ chiếu đã hết trang cấp thị thực; hộ chiếu của nước chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam; giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và vì lí do ngoại giao, quốc phòng, an ninh.

Như vậy, Luật xuất, nhập cảnh đã kế thừa và bổ sung một nội dung hoàn toàn mới so với Pháp lệnh xuất, nhập cảnh là: thị thực không được chuyển đổi mục đích (khoản 1 Điều 7). Trước đây, Pháp lệnh xuất, nhập cảnh quy định, người nước ngoài sau khi nhập cảnh nếu có nhu cầu sẽ được xét cho chuyển đổi mục đích nhập cảnh. Lợi dụng quy định này, nhiều người nước ngoài đã vào Việt Nam với danh nghĩa tham quan, du lịch, sau đó xin chuyển đổi để thực hiện các mục đích khác, đặc biệt là xin chuyển đổi ở lại lao động trong các công trình, dự án do nước

(3). Luật đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kì họp thứ 7 thông qua ngày 16/6/2014, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 và thay thế Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2000 (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh xuất, nhập cảnh).

(4). Nghị quyết của Quốc hội số 30/2016/QH14 ngày 22/11/2016 về thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam; Nghị định của Chính phủ số 07/2017/NĐ-CP ngày 25/01/2017 quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam; Thông tư của Bộ công an số 31/2015/TT-BCA ngày 06/7/2015 hướng dẫn một số nội dung về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam; Thông tư của Bộ ngoại giao số 04/2016/TT-BNG ngày 30/6/2016 hướng dẫn thủ tục cấp thị thực, gia hạn tạm trú, cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của Bộ ngoại giao; Nghị quyết của Chính phủ số 124/NQ-CP ngày 29/11/ 2017 về bổ sung danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử.

(5). Khoản 11 Điều 3 Luật xuất, nhập cảnh.

(6). Điều 7 Luật xuất, nhập cảnh.

ngoài đang thi công tại Việt Nam, gây khó khăn cho công tác quản lí.(7)

Ngoài ra, sự thông thoáng về thủ tục, điều kiện cấp thị thực cho người nước ngoài của Pháp lệnh xuất, nhập cảnh cũng đã bị một số doanh nghiệp lợi dụng để "lách", sử dụng tư cách pháp nhân chỉ để bảo lãnh cấp thị thực cho người nước ngoài, còn việc họ nhập cảnh, hoạt động, cư trú tại Việt Nam thì doanh nghiệp không biết, không có trách nhiệm, dẫn đến tình trạng gia tăng lao động phổ thông nước ngoài vào làm việc, hoạt động trái mục đích nhập cảnh, một số vi phạm pháp luật. Thực tế đã có hàng ngàn lao động phổ thông nước ngoài vào làm việc tại các công trình xây dựng (nhất là các dự án do Trung Quốc trúng thầu như: nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh, Hải Phòng, Cà Mau; xi măng Ninh Bình, Thanh Hoá, Tây Ninh, bôxít-nhôm Lâm Đồng...) nhưng không phải do chủ đầu tư (hoặc nhà thầu) bảo lãnh cấp thị thực. Cũng tình trạng đó, tại một số địa phương có đông người nước ngoài làm việc như Hà Nội, Hải Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An… đã xuất hiện những "doanh nghiệp ma", được thành lập dưới danh nghĩa công ti trách nhiệm hữu hạn, công ti cổ phần chỉ với mục đích làm dịch vụ kiếm lời từ xin thị thực dài hạn, thẻ tạm trú cho người Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, sau khi được cấp thị thực dài hạn, thẻ tạm trú thì giải thể doanh nghiệp.(8)

Việc Luật xuất, nhập cảnh quy định thị thực không được chuyển đổi mục đích nhằm đảm bảo công tác quản lí, tránh tình trạng người nước ngoài vào Việt Nam với các mục đích khác. Tuy nhiên, thực tế áp dụng cho thấy, quy định trên chưa thực sự tạo điều kiện cho người nước ngoài, vì muốn chuyển đổi mục đích thì họ phải xuất cảnh để cơ quan, tổ chức bảo lãnh làm thủ tục xin cấp mới thị thực theo đúng mục đích nhập cảnh, dẫn đến vừa gây tốn kém cho doanh nghiệp vừa mang tính hình thức đối với một số trường hợp.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về cấp thị thực theo hướng cho phép tất cả các loại thị thực đều được chuyển đổi mục đích nếu thuộc một trong các trường hợp: có giấy tờ chứng minh mục đích nhập cảnh quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật xuất, nhập cảnh; có giấy tờ chứng minh quan hệ là vợ, chồng, con với người bảo lãnh.(9) Giải pháp này tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam, vì họ sẽ không mất chi phí xuất, nhập cảnh mà có thể ở lại Việt Nam và làm thủ tục chuyển đổi mục đích của thị thực theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, giải pháp này còn tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài tìm hiểu thị trường Việt Nam, tạo cơ hội việc làm, đầu tư cho người nước ngoài tại Việt Nam, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế.

(7). Trung tâm nghiên cứu khoa học, Viện nghiên cứu lập pháp, "*Cư trú, điều kiện cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam - Thực trạng và kiến nghị*", Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Hà Nội, 2013, tr. 21.

(8). Thành Nam, "*Xuất hiện "doanh nghiệp ma" "chạy thị thực" cho người* nước *ngoài"*,https://infonet.vn/xuat-hien-doanh-nghiep-ma-chay-thi-thuc-cho-nguoi-nuoc-ngoai-post103530.info, truy cập 20/3/2019.

(9). Bộ công an, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, tr. 35.

2. Về kí hiệu và thời hạn thị thực

Luật xuất, nhập cảnh thay đổi hoàn toàn kí hiệu thị thực so với trước đây(10) với 20 loại thị thực khác nhau, thời hạn thị thực phù hợp với mục đích nhập cảnh(11) nhằm đảm bảo người nước ngoài vào Việt Nam hoạt động đúng mục đích, tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong công tác quản lí, ngăn chặn các trường hợp hoạt động trái mục đích xin nhập cảnh. Đồng thời, Luật xuất, nhập cảnh quy định thời hạn thị thực được tăng lên, phù hợp với mục đích hoạt động của người nước ngoài tại Việt Nam và thống nhất với các văn bản pháp luật liên quan. Trước đây, Pháp lệnh xuất, nhập cảnh quy định thị thực Việt Nam có thời hạn không quá 12 tháng dẫn tới không thống nhất với nhiều văn bản pháp luật như quy định tại Điều 44 Luật đầu tư năm 2005 (thời hạn của thị thực tối đa là 5 năm cho mỗi lần cấp), Điều 173 Bộ luật lao động năm 2012 (thời hạn của giấy phép lao động tối đa là 02 năm).

Khắc phục những điểm hạn chế này, Luật xuất, nhập cảnh quy định thời hạn thị thực cấp cho người nước ngoài vào lao động có thời hạn tối đa đến 2 năm (khoản 5 Điều 9), cấp cho người nước ngoài vào đầu tư và luật sư nước ngoài vào hành nghề tại Việt Nam có thời hạn tối đa đến 05 năm (khoản 6 Điều 9). Việc nâng thời hạn cấp thị thực này nhằm tạo ưu đãi đối với các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và phù hợp với các chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, Luật xuất, nhập cảnh quy định kí hiệu thị thực "ĐT" đối với luật sư nước ngoài làm việc tại Việt Nam như nhà đầu tư nước ngoài dẫn tới không phân biệt được người nước ngoài là nhà đầu tư với người nước ngoài hành nghề luật sư tại Việt Nam, cũng như gây khó khăn cho công tác quản lí của cơ quan nhà nước. Do vậy, Luật xuất, nhập cảnh cần quy định lại kí hiệu thị thực cấp cho người nước ngoài hành nghề luật sư tại Việt Nam để tránh trùng với nhà đầu tư.

Ngoài ra, Luật xuất, nhập cảnh không nên quy định quá nhiều loại kí hiệu thị thực, mà chỉ cần quy định một số loại chính như: thị thực ngoại giao, thị thực lao động và các loại thị thực khác giống như quy định trong luật xuất nhập cảnh của các nước trên thế giới hiện nay.(12)

3. Điều kiện cấp thị thực

Theo Luật xuất, nhập cảnh, để được cấp thị thực, người nước ngoài phải có đủ các điều kiện sau:

Thứ nhất, có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế

Đối với người có quốc tịch, để ra nước ngoài họ cần phải có hộ chiếu. Hộ chiếu (hay còn gọi là Passport), là "chứng minh thư" bắt buộc cho phép một người có thể xuất cảnh ra nước ngoài và được quyền nhập cảnh trở lại sau khi mục đích chuyến đi kết thúc.

(10). Pháp lệnh xuất, nhập cảnh quy định có 10 kí hiệu thị thực.

(11). Điều 8, Điều 9 Luật xuất, nhập cảnh.

(12). Đây cũng là quan điểm của nhiều đại biểu Quốc hội như Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh, đại biểu Quốc hội đoàn Quảng Ninh, đại biểu Lê Minh Hiền (Khánh Hoà), Phạm Xuân Thường (Thái Bình). Nguồn: HL, *Bảo đảm chặt chẽ trong quản lí hoạt động xuất nhập cảnh*, http://www.bienphong.com.vn/bao-dam-chat-che-trong-quan-ly-hoat-dong-xuat-nhap-canh/, truy cập 26/4/2019.

Đối với người không quốc tịch, để đi lại quốc tế họ cần phải giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế. Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế là loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của một nước cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại nước đó và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận.(13)

Tình trạng không quốc tịch (Statelessness) là hệ quả của hàng loạt các nguyên nhân bao gồm xung đột pháp luật, chuyển nhượng lãnh thổ, hôn nhân gia đình, thủ tục hành chính, sự phân biệt đối xử, thiếu đăng kí khai sinh, tước quốc tịch (khi một quốc gia huỷ bỏ quốc tịch của một cá nhân) và từ bỏ quốc tịch (khi một cá nhân từ chối sự bảo hộ của một quốc gia)... Hiện nay, không thể xác định được con số chính xác về số lượng người không quốc tịch trên thế giới. Tuy nhiên, theo ước tính của Liên hợp quốc có ít nhất 10 triệu người không quốc tịch trên toàn thế giới.(14) Trước thực tế nhu cầu nhập cảnh Việt Nam của người không quốc tịch là khá lớn, Luật xuất, nhập cảnh bổ sung quy định người không quốc tịch thường trú ở nước ngoài được sử dụng giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế nhập cảnh Việt Nam với mục đích thăm thân, du lịch và được cấp thị thực rời.

Thứ hai, có cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam mời, bảo lãnh, trừ trường hợp người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực có giá trị không quá 30 ngày cho người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam khảo sát thị trường, du lịch, thăm người thân, chữa bệnh thuộc các trường hợp sau đây:

a) Người có quan hệ công tác với cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực Việt Nam ở nước ngoài và vợ, chồng, con của họ hoặc người có văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền Bộ ngoại giao nước sở tại;

b) Người có công hàm bảo lãnh của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự các nước đặt tại nước sở tại (khoản 3 Điều 17 Luật xuất, nhập cảnh).(15)

Như vậy, theo điều kiện này, người nước ngoài muốn nhập cảnh Việt Nam phải có cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam mời, bảo lãnh. Tại Điều 14 Luật xuất, nhập cảnh quy định, cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài,(16) tuy nhiên, quy định này không đồng bộ với quy định của pháp luật khác có liên quan và khi áp dụng quy định này trên thực tế đã gặp vướng mắc. Cụ thể, tại Nghị định của Chính phủ số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về lao động người nước ngoài tại Việt Nam quy định: "hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật" và "nhà thầu nước ngoài hoặc trong nước tham dự thầu, thực hiện hợp đồng" được sử dụng lao động nước ngoài; trong khi đó, Điều 14 Luật xuất, nhập cảnh không quy định 02 đối tượng này được bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.

(13). Khoản 2 Điều 3 Luật xuất, nhập cảnh.

(14). Báo cáo của Liên hợp quốc về người không quốc tịch 9/2013.

(15). Từ 01/01/2015 đến 31/12/2018, các cơ quan chức năng của Bộ công an đã xét duyệt nhân sự nhập cảnh cho 18.110 lượt người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam bằng thị thực "SQ" do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật.

(16). Điều 14 Luật xuất, nhập cảnh.

Để quy định của Luật xuất, nhập cảnh đồng bộ với quy định khác có liên quan của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam đồng thời góp phần thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam. Luật xuất, nhập cảnh cần bổ sung đối tượng "hộ kinh doanh cá thể được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật" và "nhà thầu theo quy định của pháp luật Việt Nam" được mời, bảo lãnh người nước ngoài và kí hiệu thị thực cấp cho người nước ngoài vào làm việc với cơ quan, tổ chức trên.

Nhằm cải cách hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh, thực hiện yêu cầu của Chính phủ về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí nhà nước, nhất là trong việc giải quyết thủ tục hành chính, ngày 15/6/2017, cơ quan quản lí xuất nhập cảnh đã triển khai thí điểm việc mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh qua hệ thống giao dịch điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở thí điểm đó, từ ngày 01/7/2017, Cục quản lí xuất nhập cảnh, Bộ công an chính thức triển khai việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả lời kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam qua hệ thống giao dịch điện tử tại Hà Nội.

Cùng với việc thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử, việc triển khai tiếp nhận và trả lời kết quả hồ sơ mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh qua hệ thống giao dịch điện tử đã tạo đã tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam và góp phần giảm chi phí, tiết kiệm thời gian của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Thứ ba, không thuộc các trường hợp chưa cho nhập cảnh.(17)

Nhằm khắc phục những bất cập của Pháp lệnh xuất, nhập cảnh, Luật xuất, nhập cảnh quy định trong một số trường hợp người nước ngoài đề nghị cấp thị thực phải có giấy tờ chứng minh mục đích nhập cảnh, gồm:

+ Người nước ngoài vào đầu tư phải có giấy tờ chứng minh việc đầu tư tại Việt Nam theo quy định của Luật đầu tư;

+ Người nước ngoài hành nghề luật sư tại Việt Nam phải có giấy phép hành nghề theo quy định của Luật luật sư;

+ Người nước ngoài vào lao động phải có giấy phép lao động theo quy định của Bộ luật lao động;

+ Người nước ngoài vào học tập phải có văn bản tiếp nhận của nhà trường hoặc cơ sở giáo dục của Việt Nam.

4. Miễn thị thực nhập cảnh

Miễn thị thực (miễn visa) là việc một quốc gia cho phép công dân của một quốc gia khác nhập cảnh và lưu trú trong một khoảng thời gian nhất định mà không phải xin thị thực.

Nhằm tạo điều kiện để người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, nhất là thu hút khách du lịch tại các thị trường tiềm năng, trọng điểm, Điều 12 Luật xuất, nhập cảnh quy định về các trường hợp miễn thị thực nhập cảnh.(18) Trên thực tế, Việt Nam miễn

(17). Điều 21 Luật xuất, nhập cảnh.

(18). Điều 12: Các trường hợp miễn thị thực nhập cảnh: "*1. Theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. 2. Sử dụng thẻ thường trú, thẻ tạm trú theo quy định của Luật này. 3. Vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn*

thị thực cho công dân một số nước với hai hình thức: miễn thị thực đơn phương và miễn thị thực song phương.

4.1. Miễn thị thực song phương

Miễn thị thực song phương được hiểu là cả hai quốc gia đều cho trao cho nhau đặc quyền để công dân của họ có thể nhập cảnh qua lại giữa hai quốc gia mà không phải xin thị thực nhập cảnh. Chẳng hạn, Việt Nam và Singapore kí hiệp định miễn thị thực song phương, nghĩa là công dân Việt Nam hay Singapore đều có thể nhập cảnh qua lại giữa Singapore và Việt Nam mà không phải xin visa nhập cảnh.

Hiện nay, Việt Nam miễn thị thực song phương trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, Việt Nam miễn thị thực song phương cho công dân của 87 nước là người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo hiệp định, thoả thuận miễn thị thực.

Tính đến ngày 26/4/2019, Việt Nam đã kí Hiệp định, thoả thuận miễn thị thực với 87 nước (04 Hiệp định với Cameroon, Nam-mi-bi-a, Ê-ti-ô-pi-a, Lát-vi-a chưa xác định hiệu lực).(19) Theo đó, công dân của 87 nước mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ được miễn thị thực vào Việt Nam và ngược lại. Theo Hiệp định, thoả thuận miễn thị thực này, thời gian tạm trú được quy định rõ với từng đối tượng cụ thể.

Thứ hai, Việt Nam miễn thị thực song phương cho công dân mang hộ chiếu phổ thông của 9 nước trong khối ASEAN.(20)

Tại Hội nghị những người đứng đầu cơ quan quản lí xuất nhập cảnh và lãnh sự các nước ASEAN lần thứ 7 (DGICM 7), tổ chức tại Hà Nội vào năm 2003, Việt Nam đã đề xuất sáng kiến "Hiệp định khung ASEAN về miễn thị thực cho công dân các nước ASEAN" và đã được các các nước thành viên ASEAN ủng hộ. Trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ASEAN lần thứ 39, tổ chức từ ngày 24 - 28/7/2006 tại Kualalumpur - Malaysia năm 2006, Bộ trưởng ngoại giao các nước thành viên ASEAN đã kí Hiệp định khung ASEAN về miễn thị thực. Hiệp định này được kí kết là bước quan trọng góp phần xây dựng một khối ASEAN tự do đi lại, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển quan hệ giao lưu, du lịch, đầu tư, hợp tác,… giữa các nước thành viên.

Thực hiện Hiệp định khung ASEAN về miễn thị thực cho công dân các nước ASEAN, đến nay các nước thành viên ASEAN đã kí hiệp định song phương về miễn thị thực cho công dân mang hộ chiếu phổ thông. Điều kiện và thời hạn tạm trú được quy định tại danh mục các hiệp định, thoả thuận giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEAN. Cụ thể:

- Điều kiện miễn thị thực: Theo hiệp định song phương, công dân của các nước ASEAN đến Việt Nam chỉ cần hộ chiếu hợp lệ và vé máy bay khứ hồi, không cần thị

vị hành chính - kinh tế đặc biệt. 4. Theo quy định tại Điều 13 của Luật này".

(19). Xem danh mục các nước kí Hiệp định, thỏa thuận miễn thị thực với Việt Nam tại: https://lanhsuvietnam.gov.vn/Lists/BaiViet/B%C3%A0i%20vi%E1%BA%BFt/DispForm.aspx?List=dc7c7d75-6a32-4215-afeb-47d4bee70eee&ID=513, truy cập ngày 01/5/2019.

(20). Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan.

thực. Ngược lại, công dân Việt Nam đến các nước trong khối ASEAN cũng chỉ cần có hộ chiếu hợp lệ (có giá trị ít nhất từ 6 tháng trở lên), cùng vé máy bay khứ hồi là được xuất cảnh sang các nước ASEAN để du lịch, thăm thân mà không cần phải có thị thực.

- Thời hạn tạm trú: Theo hiệp định song phương giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEAN, công dân mang hộ chiếu phổ thông được miễn thị thực thời gian ngắn nhất là 14 ngày, dài nhất 30 ngày.(21)

Trong trường hợp công dân Việt Nam đến các nước trong khối ASEAN với mục đích làm việc hoặc thời hạn dài hơn theo quy định trên thì phải xin thị thực. Tương tự, công dân ở các nước trong khối ASEAN vào Việt Nam, nếu ở dài hơn 30 ngày, không phải mục đích du lịch hoặc thăm thân mà làm việc thì phải xin thị thực theo các quy định của pháp luật.

Hiện nay, Việt Nam và các nước ASEAN đang đàm phán để đi đến thống nhất cấp visa du lịch chung trong 10 nước ASEAN. Thay vì phải xin visa từng quốc gia, du khách quốc tế đến 10 nước ASEAN du lịch chỉ cần xin visa một nước, giống như Hiệp ước Schengen - mô hình của Liên minh châu Âu (EU).(22)

Thứ ba, Việt Nam miễn thị thực cho những người mang thẻ đi lại doanh nhân APEC thuộc các quốc gia thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

Thẻ đi lại của doanh nhân APEC (APEC Business Travel Card, viết tắt là ABTC) là một loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước và vùng lãnh thổ tham gia Chương trình thẻ đi lại của doanh nhân APEC cấp cho doanh nhân của mình để tạo thuận lợi cho việc đi lại thực hiện các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ; tham dự các hội nghị, hội thảo và các mục đích kinh tế khác tại các nước và vùng lãnh thổ thuộc APEC tham gia Chương trình. Người mang thẻ ABTC, khi nhập cảnh, xuất cảnh các nước và vùng lãnh thổ có tên ghi trong thẻ thì không cần phải có thị thực của các nước và vùng lãnh thổ đó.

Thẻ ABTC có giá trị sử dụng trong 05 năm (trước đây là 3 năm), kể từ ngày cấp và không được gia hạn. Khi thẻ ABTC hết thời hạn sử dụng, nếu người được cấp thẻ vẫn còn nhu cầu đi lại trong khối APEC thì làm thủ tục đề nghị cấp lại thẻ mới. Thẻ ABTC chỉ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh khi người mang thẻ xuất trình kèm theo hộ chiếu hợp lệ. Mỗi lần nhập cảnh, người mang thẻ ABTC được các nước và vùng lãnh thổ thành viên cấp chứng nhận tạm trú theo thời hạn quy định của các nước hoặc vùng lãnh thổ đó.(23) Đối với Việt Nam, người mang thẻ

(21). Cụ thể, công dân mang hộ chiếu phổ thông của các nước Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Lào và Campuchia được miễn thị thực vào Việt Nam với thời hạn tạm trú không quá 30 ngày; công dân Philippines được tạm trú không quá 21 ngày; công dân Brunei và Myanmar được tạm trú không quá 14 ngày và ngược lại.

(22). Nguyễn Minh Phong, *Hướng tới thị thực du lịch chung ASEAN,* http://nhandan.com.vn/chinhtri/item/34948602-huong-toi-thi-thuc-du-lich-chung-asean.html; Đình Hiệp, *Visa du lịch chung 10 nước ASEAN - Lợi ích và thách thức?,* http://hanoimoi.com.vn/ban-in/Xa-hoi/827317/visa-du-lich-chung-10-nuoc-asean-%E2%80%93-loi-ich-va-thach-thuc, truy cập 24/4/2019.

(23). Australia, Chile, New Zealand , Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Brunei, Pêru, Mêxicô, thời gian

ABTC được miễn thị thực Việt Nam với thời hạn cư trú không quá 60 ngày.

4.2. Miễn thị thực đơn phương

Miễn thị thực đơn phương là chỉ đơn phương một phía quốc gia miễn thị thực. Chẳng hạn, Việt Nam miễn thị thực đơn phương cho công dân có hộ chiếu Nhật Bản, trong khi công dân Việt Nam muốn nhập cảnh Nhật Bản thì phải xin thị thực trước khi nhập cảnh vào Nhật Bản, tức chỉ đơn phương phía Việt Nam miễn thị thực.

Theo Điều 13 Luật xuất nhập cảnh, quyết định đơn phương miễn thị thực cho công dân của một nước phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có quan hệ ngoại giao với Việt Nam;

b) Phù hợp với chính sách phát triển kinh tế-xã hội và đối ngoại của Việt Nam trong từng thời kì;

c) Không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam.

Quyết định đơn phương miễn thị thực có thời hạn không quá 05 năm và được xem xét gia hạn. Quy định này nhằm tránh tình trạng phát sinh những phức tạp về đối ngoại khi dừng đơn phương miễn thị thực.

Theo các điều kiện trên, Việt Nam miễn thị thực đơn phương cho công dân các quốc gia sau:

Thứ nhất, Việt Nam miễn thị thực đơn phương cho công dân của 13 quốc gia - là thị trường du lịch tiềm năng của Việt Nam, bao gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc, Na Uy, Phần Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Nga, Belarus, Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Italy. Thời hạn của miễn thị thực đơn phương này không quá 15 ngày. Theo các Nghị quyết của Chính phủ,(24) chính sách đơn phương miễn thị thực không phân biệt loại hộ chiếu, mục đích nhập cảnh và được áp dụng trong từng thời gian nhất định (thời hạn đến 31/12/2019 đối với các nước: Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, Thuỵ Điển, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên bang Nga; thời hạn đến 30/6/2020 đối với 06 quốc gia còn lại). Trong trường hợp công dân các nước kể trên có nhu cầu nhập cảnh và lưu trú với thời hạn dài hơn thì cần phảilàm thủ tục xin thị thực theo quy định trước khi nhập cảnh vào Việt Nam.

Trên thực tế, số lượng công dân các nước nhập cảnh theo diện miễn thị thực đơn phương tăng không nhiều. Theo thống kê, từ năm 2015 đến năm 2018, có 11.897.821 lượt công dân của 13 nước nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực, chiếm tỉ lệ 25,75% tổng số người nước ngoài nhập

lưu trú bằng thẻ APEC: 90 ngày; Trung Quốc, Hồng Kông, Malaysia, Indonesia, Singapore, Papua, Niu Ghinê, thời gian lưu trú bằng thẻ APEC: 60 ngày; Nga thời gian lưu trú bằng thẻ APEC: từ 14 đến 90 ngày; Philippines: 59 ngày; Mỹ có thể bắt buộc phải có visa có hiệu lực nếu như pháp luật Mỹ hiện hành có quy định; Canada: có thể bắt buộc phải có visa có hiệu lực nếu như pháp luật Canada hiện hành có quy định.

(24). Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 29/12/2014 về việc miễn thị thực có thời hạn đối với công dân các nước: Liên bang Nga, Nhật Bản, Đại Hàn Dân quốc, Vương quốc Đan Mạch, Vương quốc Na uy, Vương quốc Thụy Điển và Cộng hoà Phần Lan; Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày 01/6/2015 về việc miễn thị thực có thời hạn đối với công dân nước cộng hoà Bê-la-rút; Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 18/6/2015 về việc miễn thị thực có thời hạn đối với công dân các nước Vương quốc Anh, Cộng hoà Pháp, Cộng hoà Liên bang Đức, Vương quốc Tây Ban Nha, Cộng hoà I-ta-li-a.

cảnh.[25] Vì vậy, để thu hút người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam nhiều hơn nữa (nhất là du lịch), Chính phủ cần mở rộng danh sách các nước được Việt Nam miễn thị thực đơn phương. Với việc mở rộng này vừa đảm bảo lợi ích của Việt Nam vừa đáp ứng được những yêu cầu của hội nhập.[26]

Thứ hai, Việt Nam miễn thị thực cho người nước ngoài đến đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Đây là chính sách đã được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 229/2005/QĐ-TTg ngày 16/9/2005. Theo chính sách này, người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại đảo Phú Quốc được miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 15 ngày, trường hợp người nước ngoài vào một cửa khẩu quốc tế của Việt Nam, lưu lại khu vực quá cảnh ở cửa khẩu đó, rồi chuyển tiếp đi đảo Phú Quốc cũng được miễn thị thực. Hiện nay, theo quyết định số 80/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/12/2013 ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, thì thời gian miễn thị thực cho người nước ngoài được nâng lên 30 ngày, áp dụng với cả trường hợp lưu tại khu vực quá cảnh ở một cửa khẩu quốc tế của Việt Nam (kể cả đường hàng không và đường biển), rồi đi tiếp đến đảo Phú Quốc.

Như vậy, chính sách miễn thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh khu kinh tế ven biển Phú Quốc chỉ được quy định trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mà chưa được quy định trong Luật. Do vậy, để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh vào địa bàn Phú Quốc, Kiên Giang có thể được hưởng chính sách miễn thị thực, Luật xuất, nhập cảnh cần bổ sung quy định miễn thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh khu kinh tế ven biển Phú Quốc. Việc bổ sung này vào trong Luật xuất, nhập cảnh thể hiện rõ được thiện chí của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách ưu đãi về nhập cảnh đối với người nước ngoài khi nhập cảnh vào Phú Quốc, khắc phục được tình trạng thiếu thống nhất của hệ thống pháp luật và không trái với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Thứ ba, quan chức, viên chức Ban thư kí ASEAN không phân biệt loại hộ chiếu được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam với thời hạn tạm trú không quá 30 ngày.

Theo quy định của Luật xuất, nhập cảnh, để được xét miễn thị thực đơn phương khi nhập cảnh Việt Nam người nước ngoài phải tuân thủ các điều kiện: có hộ chiếu hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp, hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất 06 tháng kể từ ngày nhập cảnh và thời điểm nhập cảnh phải cách thời điểm xuất cảnh Việt Nam lần trước ít nhất 30 ngày (theo khoản 1 Điều 20). Việc quy định điều kiện "phải cách thời điểm xuất cảnh Việt Nam lần trước ít nhất 30 ngày" nhằm hạn chế tình trạng người nước ngoài lợi dụng

(25). Bộ công an, Báo cáo tổng kết thi hành Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh,cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, tr. 9.

(26). Phạm Hồng Hạnh, "Những vấn đề pháp lí trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam", Kỉ yếu hội thảo khoa học cấp khoa: "*Địa vị pháp lí của người nước ngoài tại Việt Nam"*, Trường Đại học Luật Hà Nội, tháng 12/2015, tr. 47.

chính sách miễn thị thực đơn phương, nhập cảnh liên tiếp để vào Việt Nam làm việc, lao động… Tuy nhiên, sau khi triển khai áp dụng, quy định trên đã gây vướng mắc đối với số khách nhập cảnh Việt Nam du lịch sau đó sang nước thứ ba rồi quay lại Việt Nam tiếp tục du lịch.

Vì vậy, cần đơn giản các điều kiện nhập cảnh đối với trường hợp đơn phương miễn thị thực,(27) góp phần thu hút người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam vì mục đích du lịch hoặc tìm hiểu thị trường, góp phần thực hiện Nghị quyết của Bộ chính trị số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, qua đó góp phần thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển và phù hợp với xu thế chung của các nước trong quá trình hội nhập. Luật xuất nhập cảnh cần bỏ quy định về điều kiện "*phải cách thời điểm xuất cảnh Việt Nam lần trước ít nhất 30 ngày"* đối với trường hợp người nước ngoài thuộc diện đơn phương miễn thị thực. Theo đó, người nước ngoài thuộc diện đơn phương miễn thị thực khi họ nhập cảnh Việt Nam sau đó sang nước thứ ba rồi quay lại Việt Nam trong 30 ngày kể từ ngày xuất cảnh Việt Nam thì không phải xin thị thực nhập cảnh tại cửa khẩu.

Quan điểm của tác giả cũng trùng với quan điểm của Bộ công an. Trong Dự thảo "Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam", Bộ công an đã đưa ra ba giải pháp cho chính sách này là: 1) Giữ nguyên hiện trạng; 2) Bỏ quy định về điều kiện "phải cách thời điểm xuất cảnh Việt Nam lần trước ít nhất 30 ngày" đối với trường hợp người nước ngoài đơn phương miễn thị thực; 3) Bỏ quy định về điều kiện "phải cách thời điểm xuất cảnh Việt Nam lần trước ít nhất 30 ngày" đối với trường hợp đơn phương miễn thị thực và chỉ áp dụng đối với người nước ngoài nhập cảnh vì mục đích du lịch.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động tích cực, tiêu cực của các giải pháp đối với nhà nước, cá nhân, tổ chức về năm mặt tác động: kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, và hệ thống pháp luật, Bộ công an kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.(28)

5. Thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam

Hiện nay, cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam chưa được quy định trong Luật xuất, nhập cảnh mà được quy định trong một số Nghị quyết của Chính phủ, Quốc hội.(29) Ngày 01/02/2019, Chính phủ

(27). Hoàng Thư, *Tạo điều kiện nhưng vẫn phải quản lí được hoạt động xuất, nhập cảnh*, https://baomoi.com/tao-dieu-kien-nhung-van-phai-quan-ly-duoc-hoat-dong-xuat-nhap-canh/c/30307744.epi, truy cập 25/4/2019.

(28). Bộ công an, "Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam", tr. 28.

(29). Đó là: Nghị quyết của Chính phủ số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về chủ trương xây dựng Chính phủ điện tử, trong đó giao cho Bộ công an phối hợp với Bộ ngoại giao nghiên cứu xây dựng đề án cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài vào Việt Nam du lịch, tìm hiểu cơ hội đầu tư…; Nghị quyết của Quốc hội số 30/2016/QH14 ngày 22/11/2016 về

đã ban hành Nghị định số 17/2019/NĐ-CP[30] sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25/01/2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam. Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 17/2019/NĐ-CP đã bổ sung danh sách 34 nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử, nâng tổng số các nước có công dân được cấp thị thực điện tử thí điểm của Việt Nam lên 80 nước.[31]

Ngày 21/3/2019, Bộ trưởng Bộ công an đã kí Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BCA, hợp nhất Nghị định quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam. Theo đó, người nước ngoài đề nghị cấp thị thực điện tử thực hiện như sau:

- Truy cập trang thông tin cấp thị thực điện tử để khai thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử, tải ảnh và trang nhân thân hộ chiếu.

- Nhận mã hồ sơ điện tử và nộp phí cấp thị thực vào tài khoản quy định tại trang thông tin cấp thị thực điện tử.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử và phí cấp thị thực, Cục quản lí xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết, trả lời người đề nghị cấp thị thực điện tử tại trang thông tin cấp thị thực điện tử. Người nước ngoài đề nghị cấp thị thực điện tử sử dụng mã hồ sơ điện tử để kiểm tra kết quả giải quyết của Cục quản lí xuất nhập cảnh tại trang thông tin cấp thị thực điện tử; trường hợp được cấp thị thực điện tử thì sử dụng mã hồ sơ điện tử để in thị thực điện tử.[32] Như vậy, toàn bộ quá trình từ nộp hồ sơ, xem xét giải quyết và thông báo kết quả cấp thị thực cho người nước ngoài đều thực hiện qua hệ thống giao dịch điện tử.

Thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam là chính sách mới, thể hiện quyết tâm cải cách hành chính triệt để của Chính phủ, phù hợp chủ trương ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam đã thực hiện thí điểm được 2 năm và Quốc hội cho phép kéo dài thời hạn tiếp tục thí điểm cấp thị thực điện tử thêm 2 năm kể từ ngày 01/02/2019 đến ngày 31/01/2021,[33] để từ đó có cơ sở

thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam (Nghị quyết số 30/2016/QH14), Nghị định của Chính phủ số 07/2017/NĐ-CP ngày 25/01/2017 quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam. Ngày 20/11/2018, tại Kì họp thứ 6, Quốc hội khoá XIV đã thông qua Nghị quyết số 74/2018/QH14 cho phép kéo dài thời gian thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam tối đa 02 năm kể từ ngày 01/02/2019.

(30). Nghị định của Chính phủ số 17/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành trong hai năm kể từ ngày 01/02/2019.

(31). Bao gồm: 40 nước theo Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25/01/2017, 06 nước theo Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 29/11/2017 và 34 nước theo Nghị định số 17/2019/NĐ-CP ngày 1/2/2019.

(32). Phú Lộc, *Văn bản hợp nhất Nghị định về lĩnh vực cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam*, http://bocongan.gov.vn/van-ban/van-ban-moi/van-ban-hop-nhat-nghi-dinh-ve-linh-vuc-cap-thi-thuc-dien-tu-cho-nguoi-nuoc-ngoai-nhap-canh-viet-nam-334.html, truy cập 10/4/2019.

(33). Anh Phương, "*Kiến nghị tiếp tục cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam*",

tổng kết, đánh giá toàn diện chính sách này. Sau hai năm tổ chức thực hiện cho thấy, hầu hết người nước ngoài vào Việt Nam du lịch đề nghị cấp thị thực điện tử (chiếm tỉ lệ 98%). Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2018, Cục quản lí xuất nhập cảnh - Bộ công an đã cấp 422.928 thị thực điện tử cho người nước ngoài. Số lượng thị thực điện tử cấp cho người nước ngoài tăng nhanh, năm 2017 là 109.434 lượt, đến năm 2018 là 313.494 (tăng 186% so với năm 2017). Chỉ tính phí cấp thị thực điện tử, đến hết 31/12/2018 đã thu được 244.822.446.000 đồng qua hệ thống thanh toán điện tử.(34)

Do cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam là chính sách mới, đang trong giai đoạn thí điểm và chính sách này chưa được quy định trong Luật xuất, nhập cảnh nên Luật xuất, nhập cảnh sửa đổi, bổ sung cần quy định về cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam nếu đáp ứng đủ các điều kiện của Luật. Cùng với đó, Chính phủ quyết định danh sách các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử, danh sách các cửa khẩu cho phép người nước ngoài sử dụng thị thực điện tử nhập cảnh, xuất cảnh. Việc sửa đổi, bổ sung này nhằm bảo đảm tính ổn định, tạo cơ sở pháp lí thống nhất để thực hiện chính thức việc cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hội nhập quốc tế gắn với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải cách hành chính./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hồng Hạnh, "Những vấn đề pháp lí trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam", Kỉ yếu hội thảo khoa học cấp khoa: *Địa vị pháp lí của người nước ngoài tại Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội, tháng 12/2015.
2. Thành Nam, "*Xuất hiện "doanh nghiệp ma" "chạy thị thực" cho người nước ngoài",* https://infonet.vn/xuat-hien-doanh-nghiep-ma-chay-thi-thuc-cho-nguoi-nuoc-ngoai-post 103530.info
3. Nguyễn Minh Phong, *Hướng tới thị thực du lịch chung ASEAN*, http://nhandan.com.vn/chinhtri/item/34948602-huong-toi-thi-thuc-du-lich-chung-asean.html
4. Anh Phương, "*Kiến nghị tiếp tục cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam*", http://www.sggp.org.vn/kien-nghi-tiep-tuc-cap-thi-thuc-dien-tu-cho-nguoi-nuoc-ngoai-nhap-canh-viet-nam-5529 21.html
5. Hoàng Thư, *Tạo điều kiện nhưng vẫn phải quản lí được hoạt động xuất, nhập cảnh*, https://baomoi.com/tao-dieu-kien-nhung-van-phai-quan-ly-duoc-hoat-dong-xuat-nhap-canh/c/30307744.epi
6. Viện nghiên cứu lập pháp - Trung tâm nghiên cứu khoa học, "Cư trú, điều kiện cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam - Thực trạng và kiến nghị", Hà Nội, tháng 10/2013.

http://www.sggp.org.vn/kien-nghi-tiep-tuc-cap-thi-thuc-dien-tu-cho-nguoi-nuoc-ngoai-nhap-canh-viet-nam-552921.html, truy cập 26/4/2019.

(34). Bộ công an, Báo cáo tổng kết thi hành Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, tr. 8.